TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **131**/2024/HS-ST
Ngày 10 - 7 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Cao Đức

2. Bà Nguyễn Thị Kính

***- Thư ký phiên tòa*:**

+ *Tại điểm cầu trung tâm*: Bà Nguyễn Anh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Tại điểm cầu thành phần*: Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:*

+ Tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Văn Đạt - Kiểm sát viên.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Khắc Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 146/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo hình thức trực tuyến, gồm 02 điểm cầu: điểm cầu trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; điểm cầu thành phần đặt tại Trại tạm giam Chí Hòa - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc T1; sinh năm 1993; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Không; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Ngọc T2; cha: Không rõ; sống chung như vợ chồng với Lê Thị Tường V1 và có 01 con sinh năm 2019; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 03/9/2015, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (bản án số 109/2015/HSST). Ngày 08/5/2016, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 08/5/2024, thi hành xong phần dân sự và án phí hình sự sơ thẩm.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2024 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:* Bà Đặng Nguyễn Thu D, sinh năm 1975; nơi cư trú (HKTT: 202 Bis L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: B L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ, ngày 26/6/2022, Huỳnh Công K điều khiển xe gắn máy hiệu Vario màu đỏ, biển số 59K2-462.10 đi từ nhà K tại nhà không số Tổ 54 Ấp D, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đến nhà cũ của K tại Quận F chơi thì gặp anh vợ của K là Nguyễn Quốc T3. Lúc này, T3 nhờ K chở đi qua khu vực Phường A, Quận H để tìm bạn, khi đi thì T3 điều khiển xe gắn máy biển số 59K2-462.10 chở K ngồi phía sau. Khoảng 17 giờ cùng ngày 26/6/2022, khi đi ngang qua nhà số H L, Phường A, Quận H, T3 phát hiện bà Đặng Nguyễn Thu D đang ngồi trên xe gắn máy biển số 59L2-226.74 chờ mua bánh mì (dừng xe đứng chờ), trên cổ bà D có đeo sợi dây chuyền vàng. Thấy vậy, T3 rủ K giật sợi dây chuyền vàng của bà D, K đồng ý. Thực hiện ý định trên, T3 điều khiển xe gắn máy quay đầu lại chạy hướng ra đường B, Quận H, khi đi đến trước số H L, Phường A, Quận H, T3 chạy xe ngược chiều dừng ở phía sau xe của bà D, K ngồi sau xuống xe đi bộ lại áp sát vào phía bên trái bà D, rồi dùng tay phải giật sợi dây chuyền vàng của bà D đang đeo trên cổ rồi lên xe để T3 điều khiển xe tẩu thoát, bà D tri hô người dân xung quanh truy đuổi nhưng không kịp.

Khoảng 18 giờ, ngày 26/6/2022, T3 điều khiển xe biển số 59K2-462.10 chở K ngồi phía sau cầm sợi dây chuyền vừa giật được của bà D đến tiệm V2 (địa chỉ: C B, Phường A, Quận H) bán cho chị Nguyễn Thị Ngọc L (quản lý tiệm vàng) được số tiền 6.300.000 đồng. Thư điều khiển xe gắn máy biển số 59K2-462.10 chở K về khu vực cầu P, Phường G, Quận F, K chia cho T3 số tiền 3.000.000 đồng, K lấy 3.300.000 đồng còn lại, rồi T3 đi xe ôm về nhà mẹ T3 ở phường A, quận B, còn K điều khiển xe gắn máy đi về nhà. T3 đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 3.000.000 đồng. Ngày 27/6/2022, T3 biết K bị Công an P, Quận H đến mời về trụ sở để làm rõ sự việc nên T3 bỏ trốn.

Ngày 28/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bà D sợi dây chuyền vàng. Bà D không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Ngày 21/12/2022, Hội đồng định giá tài sản quận H có kết luận định giá tài sản, xác định trị giá dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dạng xoắn bướm, dài khoảng 33cm, trọng lượng 8,021g, hàm lượng 61,95% là 13.100.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, chị Nguyễn Thị Ngọc L khai khi mua sợi dây chuyền vàng từ K, chị không biết là tài sản do phạm tội mà có. Chị L đã giao nộp sợi dây chuyền vàng trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q để điều tra làm rõ.

Ngày 29/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Huỳnh Công K về hành vi "Cướp giật tài sản". Ngày 09/02/2023, Tòa án nhân dân Quận 8 đã xét xử và kết án Huỳnh Công K 01 năm 06 tháng tù giam về tội "Cướp giật tài sản", đồng thời tuyên xử lý vật chứng và phần bồi thường dân sự.

Sau khi phạm tội, Nguyễn Quốc T3 đã bỏ trốn, ngày 28/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q ra Quyết định truy tìm, tách vụ án để điều tra làm rõ.

Ngày 09/3/2024, Nguyễn Quốc T3 đến Công an P, Quận H trình diện theo Quyết định truy tìm. Tại Cơ quan Công an, T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Ngày 11/03/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Quốc T3 về hành vi "Cướp giật tài sản". Tại cơ quan điều tra, T3 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 145/CT-VKS-Q8 ngày 30/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T3 về tội "Cướp giật tài sản", theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Quốc T3 về tội "Cướp giật tài sản". Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, đã xử lý trong bản án số 12/2023/HS-ST ngày 09/02/2023 nên không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 17 giờ, ngày 26/6/2022, tại trước nhà số H L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Quốc T3 cùng đồng phạm có hành vi công khai, nhanh chóng chiếm đoạt 01 dây chuyền vàng của bà Đặng Nguyễn Thu D, có trị giá là 13.100.000 đồng.

[3] Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội "Cướp giật tài sản" như sau:

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng."

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét

xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Năm 2015, bị cáo bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp "tái phạm", đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[8] Trong vụ án, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng mang tính nhất thời, bộc phát. Bị cáo T3 là người rủ rê Huỳnh Công K cướp giật tài sản, là người điều khiển phương tiện chở K để cho K trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò của bị cáo. Mặt khác, bị cáo T3 sau khi cùng Huỳnh Công K cướp giật tài sản đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra vụ án. Do đó Hội đồng xét xử cũng xem xét về ý thức chấp hành pháp luật khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T3.

[9] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn, vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Đối với Huỳnh Công K, ngày 09/02/2023, đã bị Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 12/2023/HS-ST, đồng thời tuyên xử lý vật chứng và phần bồi thường dân sự nên không xem xét trong vụ án này.

[11] Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc L, khi mua sợi dây chuyền vàng từ bị cáo K không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q không đưa vào diện xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã xử lý trong bản án số 12/2023/HS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2024.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQ ĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phúc